

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Phương;

- Bà Đàm Thu Anh;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T T P; địa chỉ thường trú: 106H/35 đường X, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 135/2/9 đường Y, phường Y, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. có mặt.

Bị đơn: Ông Đ C T; địa chỉ: 106H/35 đường X, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà N T T P trình bày:**

Bà P và ông Đ C T quen biết, tự tìm hiểu nhau được khoảng 01 tháng thì T đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 68 do Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận Z cấp ngày 14/5/2008.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2008 do tính cách không hợp, thường hay tranh cãi nhau gay gắt. Ông T không lo làm ăn, không lo cho vợ con,

mỗi lần nhậu nhẹt ông T nóng tánh với vợ con. Đến năm 2016, do không thể hòa hợp nên bà P đã không chung sống với ông T. Nay bà P nhận thấy cuộc hôn nhân giữa vợ chồng không đạt được mục đích, tình cảm vợ chồng không còn nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Có một con chung là Đỗ Anh Khoa (nam, sinh ngày 10/02/2008). Bà P đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung chưa thành niên là trẻ Đỗ Anh Khoa cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên. Đồng thời, bà P cho rằng từ trước đến nay trẻ Khoa vẫn ở với với chồng và bên gia đình chồng, gia đình chồng giúp đỡ, ăn tập. Bà P làm việc thời gian không ổn định nên không có thời gian lo lắng, chăm sóc cháu Khoa cũng như theo dõi việc học tập của trẻ Khoa chu đáo được nên bà đồng ý để chồng nuôi dưỡng trẻ Khoa và cấp dưỡng nuôi con. Bà P cũng thừa nhận trẻ Khoa sống chung với gia đình chồng điều kiện tốt hơn, bà P không sống chung với ông T từ năm 2016 đến nay. Khi có thời gian rảnh thì bà P thường đến thăm trẻ Khoa và chu cấp tiền ăn học cho trẻ Khoa. Để tạo điều kiện và không làm ảnh hưởng sinh hoạt cũng như học tập của trẻ Khoa nên bà đồng ý giao trẻ Khoa cho chồng và gia đình chồng chăm sóc, nuôi dưỡng để tiện ăn học nên bà đề nghị giao trẻ Khoa cho ông T nuôi dưỡng. Đồng thời, bà P đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Khoa hàng tháng, cụ thể mỗi tháng là 3.000.000đồng đến khi trẻ trưởng thành 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 05 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 05/02/2021.

Bị đơn ông Đ C T trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm thụ lý, hòa giải xét xử và tại phiên tòa vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông T. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 05/01/2021 ông T cung cấp thì ông T đồng ý ly hôn với bà P, ông đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Khoa và đồng ý với mức cấp dưỡng theo đề nghị của bà P. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã T hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã T hành xét xử đúng trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà P khởi kiện ly hôn với ông T. Bà P xác định không còn tình cảm và đề nghị ly hôn với ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà N T T P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Công T. Tại thời điểm bà P khởi kiện thì ông Đ C T đang cư trú tại Quận 11. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đ C T vắng mặt, đây là lần thứ hai ông T vắng mặt. Đồng thời, ông T có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T T P và ông Đ C T tự nguyện kết hôn năm 2008, theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 68 do Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận Z cấp ngày 14/5/2008. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là quan hệ hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà N T T P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ C T với lý do tính cách không hợp nhau, thường hay tranh cãi gay gắt. Ông T không lo làm ăn, không lo cho vợ con, mỗi lần nhậu nhẹt ông T nóng tánh với vợ con. Bà P xác định không còn tình cảm với ông T, không thể tồn tại hôn nhân, sống không hạnh phúc. Việc bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông T với lý do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà P và ông T chung sống với nhau có một con chung là trẻ Đỗ Anh Khoa (nam, sinh ngày 10/02/2008). Trước đây, bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Khoa nhưng do công việc bận rộn, không thể sắp xếp thời gian đưa rước, chăm sóc con chu đáo nên bà P xin giao con cho ông Đ C T trực tiếp nuôi dưỡng và bà P cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt và có bản khai đề nghị nuôi trẻ Khoa và đồng ý mức cấp dưỡng theo đề nghị của bà P và theo nguyện vọng của trẻ Khoa. Do vậy, việc bà P yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện phát triển bình thường của trẻ Khoa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

Bị đơn ông Đ C T trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm thụ lý, hòa giải xét xử và tại phiên tòa vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông T. Đến ngày 05/01/2021, Tòa án thu thập chứng cứ và ông T có bản tự khai đồng ý ly hôn với bà P, đồng ý nuôi trẻ Khoa và mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng theo đề nghị của bà P. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của ông T.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Xét thấy đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà N T T P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 287, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N T T P xin ly hôn với ông Đỗ Công T.

Bà N T T P được ly hôn với ông Đỗ Công T.

Giấy chứng nhận kết hôn 68 ngày 14/5/2008 do Ủy ban nhân dân Phường Z, Quận Z cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cho ông Đ C T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Đỗ Anh Khoa (nam, sinh ngày 10/02/2008). Bà P cấp dưỡng nuôi trẻ Khoa 3.000.000đồng/tháng đến khi trẻ Khoa trưởng thành 18 tuổi. Cấp dưỡng vào ngày 05 Dương lịch hàng tháng từ ngày 05/2/2021.

Trường hợp bà P chậm giao tiền cấp dưỡng nuôi con thì bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm giao tương ứng với thời gian chậm giao.

Bà N T T P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở bà P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c) Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Bà N T T P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015585 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án Hôn nhân và gia đình Quận 11.

Bà N T T P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu Thuận

